TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/HNGĐ-ST
Ngày 10 – 01 - 2019
V/v tranh chấp về nuôi con của
nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :***

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Oanh
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Phạm Văn Mười
Bà Trần Thị Cúc
- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Hàng Bích Trâm - là Thẩm tra viên

Ngày 10 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 1004/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2018, về việc tranh chấp về nuôi con của nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2019, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị L, sinh năm 1989 (có mặt)
Địa chỉ: Số C, đường L, khóm 9, phường A, Tp C, tỉnh Cà Mau

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1987 (có mặt)
Địa chỉ: Số C, đường L, khóm 9, phường A, Tp C, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn là chị Bùi Thị L trong quá trình giải quyết vụ án, được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:

Chị và anh N chung sống với nhau từ năm 2005 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng mâu thuẫn, nguyên nhân do anh N không lo lắng cho vợ con, gia đình, thường xuyên nhậu nhẹt nên vợ chồng thường hay cự cãi với nhau. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, chị yêu cầu ly hôn với anh N.

Về con chung, có 02 con chung tên là Nguyễn Đình M, sinh ngày 20/6/2006 và Nguyễn Minh H, sinh ngày 25/12/2016, hiện nay hai con đang sống chung với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu nuôi cả hai con, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với anh N.

Về tài sản chung: Chị xác định để tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị xác định không có và không ai nợ lại anh chị.

Tại bản tự khai và lời trình bày của bị đơn là anh Nguyễn Văn N trong quá trình giải quyết vụ án, được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:

Về thời gian chung sống đúng như chị L trình bày, anh chị không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, anh chị có phát sinh mâu thuẫn đúng như chị Lành đã trình bày. Nay chị L yêu cầu ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung, có 02 con chung tên là Nguyễn Đình M, sinh ngày 20/6/2006 và Nguyễn Minh H, sinh ngày 25/12/2016, hiện nay hai con đang sống chung với chị L. Khi ly hôn, anh đồng ý tiếp tục giao cả hai con cho chị L trực tiếp nuôi, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với anh.

Về tài sản chung: Anh xác định để tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: anh xác định không có và không ai nợ lại anh chị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nội dung tranh chấp được xác định là tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về hôn nhân, chị L và anh N chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2005, có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng nên không được công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 14 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung, có 02 con chung tên là Nguyễn Đình M, sinh ngày 20/6/2006 và Nguyễn Minh H, sinh ngày 25/12/2016, hiện nay hai con đang sống chung với chị L. Khi ly hôn, anh chị thống nhất, anh N tiếp tục giao cả hai con cho chị L trực tiếp nuôi, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi hai con đối với anh N, xét đây là sự tự nguyện thống nhất của các đương sự phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Anh N vẫn có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, chị L và anh N đều xác định để tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy không đề cập xem xét giải quyết.

Về nợ chung, anh chị xác định không có và không ai nợ lại anh chị.

[5] Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; các Điều 53, 58 của Luật Hôn nhân và gia đình;

1/ Về hôn nhân: Không công nhận chị Bùi Thị L và anh Nguyễn Văn N là vợ chồng.

2/ Về con chung: Buộc anh Nguyễn Văn N tiếp tục giao hai con chung tên là Nguyễn Đình M, sinh ngày 20/6/2006 và Nguyễn Minh H, sinh ngày 25/12/2016, hiện nay hai con đang sống chung với chị L, cho chị L trực tiếp nuôi, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi hai con đối với anh N. Anh N vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3/ Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có và không ai nợ lại anh chị.

4/ Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000đ, chị L phải chịu. Chị L đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000đ theo biên lai số 0001677 vào ngày 04/12/2018, được đối trừ, chị L đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị L và anh N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND Tp Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Kim Oanh